

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHÚC ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHÚC ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC ANH SERVICE AND TRADING PRODUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHUC ANH SATP CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108535402

3. Ngày thành lập: 05/12/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 25, Dãy D5, Khu tập thể Quân đội Xí nghiệp thiết bị y tế 130, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975798054

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
2.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
3.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
4.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
5.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
6.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
7.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
8.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
9.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
10.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
11.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
12.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
13.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
14.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
15.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
16.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
17.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
18.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

19.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
20.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
21.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
22.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
23.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
25.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
26.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng do công ty kinh doanh	8299
28.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
29.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (Trừ loại nhà nước cấm)	2593
30.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511(Chính)
31.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
32.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
33.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
34.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
35.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
36.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
37.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
38.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4530
39.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
40.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý mua, đại lý bán hàng hóa;	4610
41.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
42.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
43.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
45.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
46.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
47.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

48.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
49.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
50.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
51.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
52.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
53.	Bán buôn thực phẩm	4632
54.	Bán buôn đồ uống	4633
55.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
56.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
57.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
58.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
59.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
60.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
61.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
62.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
63.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
64.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
65.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
66.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
67.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
68.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
69.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
70.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
71.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
72.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
73.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
74.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4541
75.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4543
76.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
77.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

78.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
79.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
80.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
81.	Sản xuất máy luyện kim	2823
82.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
83.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826

6. Vốn điều lệ: 668.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐÌNH QUYỀN	Thôn Phụng Công, Xã Hòa Bình, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	334.000.000	50,000	112050131	
2	DƯƠNG VĂN KIÊN	Thôn Đỗ Hà, Xã Khánh Hà, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	133.600.000	20,000	001092014272	
3	DƯƠNG THỊ THỦY	Thôn Đỗ Hà, Xã Khánh Hà, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	200.400.000	30,000	112291729	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH QUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/02/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 112050131

Ngày cấp: 02/07/2011

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Phụng Công, Xã Hòa Bình, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 25, Dãy D5, Khu tập thể Quân đội Xí nghiệp thiết bị y tế 130, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội